

5. Lễ hội mang tính chất tín ngưỡng

Lễ hội vía Thánh Mẫu của người Hoa tại Hội An

Đối tượng suy tôn : Thiên Hậu Thánh Mẫu

*Địa điểm : Chùa Kim Sơn, Hội quán Phước
Kiến, thị xã Hội An, tỉnh Quảng
Nam*

Thời gian : Ngày 23 tháng 3 âm lịch

*Đặc điểm : Lễ rước kiệu Thiên Hậu Thánh
Mẫu, múa lân, xin xăm cầu phúc.*

Lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu là lễ hội dân gian truyền thống của cộng đồng người Hoa tại cảng thị Hội An, nay là di sản thế giới.

Dưới thời Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613), Chúa đã quan tâm đến việc mở cửa giao thương với các nước ngoài nhằm nâng cao tiềm lực kinh tế - xã hội và quân sự của Đàng Trong để đủ sức đương đầu với quân đội của Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, nên đã quan tâm đến sự phát triển của cảng thị Hội An vào thế kỷ XVII.

Quan trấn thủ Quảng Nam dinh Nguyễn Phúc Nguyên (1602-1613) về sau trở thành Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635) đã tiếp tục đường lối mở cửa của phụ vương, tạo điều kiện cho các thương nhân người Nhật và người Hoa lưu lại dài ngày buôn bán với Đàng Trong. Vào đầu thế kỷ XVII, Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã cho phép người Nhật xây dựng *Phố Nhật* ở phía đông cảng thị Hội An và ít năm sau cho

phép người Hoa xây dựng *Phố Khách* ở phía tây. Vì vậy khi giáo sĩ Cristoforo Borri đến Đàng Trong truyền đạo vào năm 1618 đã thấy các dãy phố của người Nhật và người Hoa và đã viết trong Nhật ký của mình:

" Thành phố Hội An khá lớn, chúng ta có thể nói là hai thành phố, một thành phố của người Trung Hoa, một của người Nhật Bản, hai thành phố tách riêng; Người Nhật Bản sống theo luật riêng của người Nhật Bản, người Trung Hoa sống theo luật riêng của người Trung Hoa".

Cộng đồng thương nhân người Hoa ở cảng thị Hội An vào thế kỷ XVII-XVIII là những người dân của các tỉnh miền Nam Trung Hoa, gồm Quảng Đông, Phước Kiến, Hải Nam, Triều Châu và Gia Ứng nên về sau họ thành lập tổ chức *Ngũ Bang* để quan hệ với nhau và giúp đỡ nhau trong kinh doanh buôn bán.

Các thương nhân người Hoa đến cảng thị Hội An buôn bán có một tập quán là thờ các nhân thần như Thiên Hậu Thánh Mẫu, Quan Vân Trường - Quan Công, Phục Ba Tướng Quân - Mã Viện nhằm bảo hộ cho họ trên đường vượt biển làm ăn sinh sống mà đặc biệt là việc thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu của người Phước Kiến ở Hội quán Phước Kiến - Chùa Kim Sơn.

Việc ra đời Hội quán Phước Kiến gắn liền với một truyền thuyết dân gian. Ban đầu trên mảnh đất xây dựng Chùa Kim Sơn, người Việt Hội An đã xây dựng lên một ngôi chùa lợp tranh vào khoảng 1592 để thờ Phật và đặt tên là *Kim Sơn Tự*. Vào thời kỳ xa xưa đó, khi khu vực xây dựng Chùa này ở ven sông Hoài (đoạn sông Chợ Củi chảy qua thị xã Hội An) ở vào thời kỳ đó hãy còn rậm rạp cây cối thì một hôm nhân dân địa

phương phát hiện ra một pho tượng phật nhỏ có khắc chữ "*Kim Sơn Tự*" (Chùa Kim Sơn) trôi dạt vào bờ. Bên trên pho tượng có một lớp vàng. Nhân dân địa phương cho đó là một điềm lành, liền dựng lên một chùa bằng tranh từ số vàng tìm thấy để thờ Phật sau một đám rước long trọng.

Qua năm tháng ngôi chùa tranh bị hư hỏng mà người Việt không đủ sức để sửa chữa, trong khi đó người Phước Kiến ở phố cảng Hội An ngày càng giàu lên. Những thương nhân bang Phước Kiến đã bỏ tiền ra mua lại Chùa Kim Sơn. Qua nhiều lần tôn tạo trùng tu, kiến trúc mới này được đổi tên là *Hội quán Phước Kiến*, trong đó bao gồm cả *Chùa Kim Sơn*

Hội quán Phước Kiến là nơi sinh hoạt của cộng đồng thương nhân tỉnh Phước Kiến vào những thế kỷ XVIII mà ở đó người ta thờ *Thiên Hậu Thánh Mẫu*, vị nữ thần cứu hộ các thuyền buôn của người Hoa gặp nạn ở giữa biển khơi.

Trên một bức tường ở phần tiền điện của Hội quán Phước Kiến có một bức phù điêu lớn mô tả cảnh *Thiên Hậu Thánh Mẫu* đang đi cứu hộ một chiếc thuyền sắp bị đắm. Cận cảnh là một chiếc thuyền gỗ đang bị ngã nghiêng trong cơn bão tố và một ngọn sóng lớn bạc đầu đang ập xuống để nuốt chửng con thuyền. Trên cảnh nền về phía góc trái trên cao là *Thiên Hậu Thánh Mẫu* xuất hiện trên mây, đang bay tới địa điểm con thuyền bị gặp nạn cùng với một nữ thị tỳ tay cầm chiếc đèn lồng để soi đường.

Ở phần chính điện của Hội quán Phước Kiến, ở phần sau cùng là nơi thờ nữ thần *Thiên Hậu Thánh Mẫu*. Dưới long môn là tượng lớn của Nữ thần ngồi đường bệ, trên mình khoác chiếc áo cẩm bào màu vàng rực rỡ với nét mặt đầy đặn, hồng

hào, mắt phượng, mày ngài, tai Phật, làm toát lên vẻ đôn hậu, đôi môi khép kín nghiêm nghị.

Vị nữ thần ngồi, hai tay chấp trước ngực như cầu mong cho mưa thuận gió hoà đối với những người trên hành trình vượt biển. Ở hai bên là hai nữ tỳ tay đang cầm chiếc quạt lông. Phía trước ở hai bên là tượng *Thần Thiên Lý Nhãn* có sức nhìn xa ngàn dặm và *Thần Thuận Phong Nhĩ* có sức nghe xa nghìn dặm.

Hội quán Phước Kiến – Chùa Kim Sơn là một trong di tích văn hoá - lịch sử tiêu biểu của Di sản Thế giới Hội An hiện nay.

Theo truyền thuyết của Trung Hoa, Thiên Hậu Thánh Mẫu là người Bồ Đề, tỉnh Phước Kiến ở Trung Hoa, có cha họ Lâm và mẹ họ Vương, đều là những người hay làm việc thiện, thành tâm thờ phụng Quan Âm Đại Sĩ, nên được Phật Bà này cho một viên thuốc thần khi uống vào thì bà Vương mang thai. Đến ngày 23 tháng 3 năm Mậu Thân niên hiệu Kiến Long (năm 960 sau Công Nguyên), Nhà Tống, bà Vương sinh hạ được một bé gái tại cảng Hiền Lương, toả hương thơm và ánh hào quang. Cho đến khi đầy tháng mà bé gái này vẫn không có một tiếng khóc, nên cha mẹ gọi là "con câm". Đến năm 8 tuổi, bé gái mới bắt đầu mở miệng và đã biết đọc sách. Lớn lên 10 tuổi, bé gái rất tin Đức Phật và đến lúc 16 tuổi cô gái được một vị Thần Giếng giao cho một cuốn sách Bách Thư. Từ đó Bà có sức thần thông biến hoá và ra sức cứu người, Bà thường cưỡi thảm đỏ bay lượn trên biển và du ngoạn khắp nơi. Năm 29 tuổi Bà đắc đạo, từ giã cõi trần lên thiên đàng. Nhân dân quê Bà ngưỡng mộ sự thánh linh của Bà nên lập *Miếu*

Thông Hiền Linh Nữ đê thờ Bà. Dưới thời Nhà Tống, Triều đình sắc phong cho Bà là *Thiên Phi*, đến thời Nhà Thanh vua Khang Hy lại gia phong cho Bà là *Thiên Hậu Thánh Mẫu*. Và danh hiệu này tồn tại mãi cho đến tận nay.

Thiên Hậu Thánh Mẫu có hai vị thần trợ tá là *Thần Thiên Lý Nhãn* có sức nhìn thấy xa ngàn dặm và *Thần Thuận Phong Nhĩ* có sức nghe xa ngàn dặm, có khả năng phát hiện được từ rất xa tàu thuyền đang bị tai nạn đắm chìm và lời cầu cứu của nạn nhân ngoài khơi để bẩm báo cho Thiên Hậu Thánh Mẫu biết để tới nơi cứu nạn.

Từ truyền thuyết dân gian trên đã chuyển hoá thành tín ngưỡng và Thiên Hậu Thánh Mẫu được thế hệ đời sau của người Trung Quốc ngưỡng mộ, hiện nay được sùng bái thờ phụng nhiều nơi. Nói chung, các chùa thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu đều thống nhất suy tôn Bà là một người phụ nữ đức hạnh khi sống có tấm lòng hiếu thảo đối với cha mẹ và hay xả thân cứu người và sau khi chết thành một vị thánh hiền linh. Bà con người Phước Kiến muốn thông qua tấm gương của Bà để giáo dục cộng đồng người Hoa nên học tập tấm lòng hiếu thuận, đức nhân hậu, sống có đạo nghĩa, luôn luôn giúp đỡ đồng loại. Mặt khác, người Hoa đến buôn bán ở cảng thị Hội An, trên đường vượt biển về phương nam định cư ở Đàng Trong Đại Việt để tìm đất lập nghiệp trên quê hương mới đầy gian truân, luôn luôn cầu mong được Thiên Hậu Thánh Mẫu phù hộ độ trì để cuộc sống được ổn định, an toàn, làm ăn thịnh vượng vì vậy mà họ suy tôn Thiên Hậu Cung và thờ Bà với lòng biết ơn sâu sắc.

Trải qua năm tháng, Chùa Kim Sơn - Hội quán Phước Kiến ở Đô thị cổ Hội An, nay là Di sản Thế Giới, đã giữ một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống tâm linh không chỉ riêng đối với người Phước Kiến mà cả cộng đồng người Hoa ở nơi đây.

Hiện nay, hàng năm ở Đô thị cổ Hội An, Lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu được tổ chức trọng thể vào ngày 23 tháng 3 âm lịch, tại *Chùa Kim Sơn*. Hội quán Phước Kiến và tại *Chùa Bà* tức Dương Thương Hội quán. Sau đó, lễ hội còn được tiến hành tại *Chùa Quảng Triệu* tức Hội quán Quảng Đông.

Hàng ngày, vẫn có người đến thắp hương cầu phúc ở Chùa Kim Sơn tại Hội An, nhất là vào *ngày sóc* (mồng một) và *ngày vọng* (ngày rằm), đặc biệt là vào ngày rằm tháng giêng, rằm tháng mười và tất niên chiều 29 tháng chạp âm lịch.

Tuy vậy, Lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu vào ngày 23 tháng 3 âm lịch được xem là lễ hội lớn nhất hàng năm, kỷ niệm ngày sinh của Bà. Tham gia lễ hội, giới nữ bao giờ cũng đông hơn giới nam; lễ hội không chỉ thu hút cộng đồng người Hoa ở Hội An mà cả người Hoa người Việt ở các vùng lân cận hay các thành phố, tỉnh khác về dự.

Để chuẩn bị cho Lễ hội, từ những ngày trước đó các Trưởng Phó Bang Phước Kiến và các vị trong Ban quản trị Chùa Kim Sơn chỉ đạo việc trang hoàng, chăng đèn kết hoa ở bên ngoài và vệ sinh, sửa sang nội thất ở bên trong, bố trí trống, chuông... và lễ tế kéo dài nhiều ngày liền thực hiện qua các bước trong khuôn viên Chùa Kim Sơn:

* *Tiền lễ* tiến hành trong ba ngày trong tiếng chuông trống rộn rã:

Ngày thứ nhất, người ta cúng các lễ vật trên bàn thờ là những bao gạo nhỏ, hoa quả và áo hàng mã;

Ngày thứ hai người ta cúng chay với hương hoa, trà, quả;

Ngày thứ ba người ta cúng mặn với thịt lợn, gà, ngỗng

Đồng thời trong thời gian này, người Hoa làm *lễ mộc dục* (tắm tượng) và *lễ tế gia quan*. Các lễ vật như đồ trang sức, trang phục cho Thiên Hậu Thánh Mẫu đều do con cháu cộng đồng Phước Kiến và các bang khác mang đến. Các lễ này đều do các cô gái trinh tiết người Hoa đảm đương.

Các thành viên trong Ban Quản lý Chùa Kim Sơn tổ chức lễ bốc thăm bầu chọn "người cầm ấn" một chiếc ấn bằng đồng khắc các cổ tự. Người này đứng trước ngai thờ Bà đóng ấn lên các tấm giấy đỏ các dòng chữ KHAI ÁN ĐẠI KẾT và HỢP CẢNH BÌNH AN bằng mực tàu rồi đem dán chúng ở hai bên các điện thờ trong Chùa Kim Sơn.

* *Chính lễ* được tổ chức đúng vào ngày 23 tháng 3 âm lịch từ 4 giờ sáng. Trên bàn thờ đặt những vật hiến lễ gồm một con lợn quay nguyên con, bộ *gấu sên* gồm năm món mặn (gà, vịt, trứng vịt, cá, cua, thủ lợn), *ngũ trai* gồm năm món chay (kim châm, nấm hương, nấm mèo, thủy trúc, nấm đông cô) và *ngũ quả* cùng hoa và áo vàng mã.

Trước khi tiến hành chính lễ, ba hồi trống chuông gióng lên trang nghiêm. Lúc này Chủ lễ mặc áo xường xám mạ vàng, quần trắng, đội mũ xanh bước ra đứng trước bàn thờ quỳ lạy, sau đó đứng nghiêm đọc bản sớ. Bản sớ là một tờ giấy màu vàng ghi các nội dung ca ngợi Thiên Hậu Thánh Mẫu tỏ lòng biết ơn Bà chân thành và cầu xin Bà ra sức phụ hộ độ trì, xin

cầu an để con cháu người Hoa làm ăn phát tài, phát lộc... Sau khi đọc xong bản sớ, Chủ lễ vái ba vái rồi đốt bản sớ.

Nghi lễ được chính thức kết thúc khi Chủ lễ cầm con dao cắm vào thân con lợn quay trên bàn thờ.

Sau lễ chính, con cháu người Hoa trong Bang Phước Kiến đều lần lượt đến dâng hương cho Thiên Hậu Thánh Mẫu và đem hương trên bàn thờ về cắm ở trước cửa nhà mình để được hưởng lộc.

Tiếp sau đó là phần hội: *đám cộ Thiên Hậu Thánh Mẫu*. Thường vào giữa buổi chiều, đám rước uy nghi mới bắt đầu, kiệu của Thiên Hậu Thánh Mẫu được khiêng đi quanh các phố để cầu phúc.

Trước khi kiệu Bà ra khỏi Chùa Kim Sơn - Hội quán Phước Kiến, người Hoa ở các phố đều đã chuẩn bị bàn hương án đặt trước mặt nhà mình, bên trên bày hương hoa, nước trà, trái cây, pháo, đặc biệt là một nồi nhỏ bằng đất đựng than hồng.

Đi đầu đám rước Thiên Hậu Thánh Mẫu là bốn con hầu của Bang Phước Kiến mở đường với khoảng vài chục thanh niên đi sau, ăn mặc đồng phục, tay cầm cờ hiệu, thanh long đao, kiếm. Tiếp đó đoàn múa lân, đàn sáo vừa đi vừa nhảy múa trên đường rồi đến đội nhạc gồm trống kèn, đàn sáo vừa đi vừa chơi những bản nhạc tàu. Tiếp đó là hai hương án nhỏ, trên đó có đặt hai lư hương cắm sẵn ba cây hương trường đang cháy đỏ, mỗi hương án do bốn thanh niên mặc đồng phục khiêng. Cuối cùng là kiệu rước Thiên Hậu Thánh Mẫu hai tầng, bốn mái lộng lẫy sắc màu vàng đỏ, bên trong đặt bài vị của Bà, do tám thanh niên khiêng, ăn mặc đồng phục màu đỏ

sẫm, dọc hai quần có nẹp trắng. Đi sau cùng kiệu Bà là các vị trong Ban Thánh lễ ăn mặc lễ phục trang nghiêm, các vị trong Ban đại diện Bang Phước Kiến, cuối cùng là đội múa lân hộ tống. Đi theo đám rước là bà con người Hoa, người Minh Hương, người Việt, khách hành hương ở các địa phương khác về dự, kéo dài đến hàng mấy trăm mét.

Lễ rước kiệu Thiên Hậu Thánh Mẫu diễu hành qua tất cả các phố chính của Hội An. Khi Kiệu Bà đến trước nhà bà con người Hoa, những người trong nhà quỳ xuống đất vái lạy rồi đốt những phong pháo dài treo từ trên lầu xuống để mừng lễ hội, một người trong nhà cầm hương đã đốt cháy chạy đến kiệu mang hương án cầm hương vào đó và rút một cây hương trên lư hương này đem về nhà mình cầm để lấy phúc.

Đến chiều đám rước mới quay về Chùa Kim Sơn. Khi kiệu Bà vào sân chùa, tiếng trống tiếng chiêng nổi lên rộn rã cùng tiếng pháo nổ ran, báo hiệu Lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu kết thúc kèm theo với trò múa lân tung bưng.

Ngoài ra, chiều hôm đó tại Chùa Kim Sơn còn tổ chức *lễ xin xăm* nghi thức vay vốn buôn bán làm ăn của người Phước Kiến.

Chiều hôm đó, sau lễ rước kiệu Bà, cộng đồng người Hoa trong Bang Phước Kiến cùng các khách mời từ các Bang khác (Triều Châu, Hải Nam, Quảng Đông và Gia Ứng) tổ chức liên hoan, bà con người Hoa đến Chùa Kim Sơn thắp hương, xin xăm, cầu phúc cho đến tận khuya.

Trước đây, Lễ vía Thiên Hậu Thánh Mẫu thường kéo dài cả tuần, việc cúng tế, dâng lễ vật mang đến cúng rất linh đình (riêng lợn quay lớn nhỏ có thể đến hàng trăm con). Ngày nay,

việc rước kiệu Bà đã tinh giảm, chỉ còn tổ chức trong khuôn viên Chùa Kim Sơn.

Ngày nay, Đô thị cổ Hội An đã trở thành Di sản Thế giới, chính quyền địa phương nên khuyến khích và tạo điều kiện cho Bang Phước Kiến khôi phục lại việc rước kiệu Thiên Hậu Thánh Mẫu trên các đường phố kết hợp với hoạt động dịch vụ du lịch của địa phương nhằm góp phần làm tăng thêm sức hấp dẫn của Di sản Thế giới Hội An, nhất là đối với khách du lịch nước ngoài.

Lễ hội rước cộ Bà chợ Được ở Thăng Bình

Đối tượng suy tôn : Bà Nguyễn, húy Cửa (Bà Phường Chèo)

Địa điểm : xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, Quảng Nam

Thời gian : Ngày 11 tháng Giêng âm lịch

*: Lễ và h Đặc điểm : Lễ và hội dân gian
mình no đủ, được mùa*



Lễ hội cộ Bà Chợ Được, h. Thăng Bình (Internet)

Hàng năm, mỗi độ xuân về, hàng ngàn người khắp nơi trong và ngoài tỉnh Quảng Nam nô nức đổ về Chợ Được, thuộc xã Bình Triều, huyện Thăng Bình tham gia dự lễ hội rước cộ truyền thống cùng với nhiều môn thể thao dân gian vui nhộn khác. Riêng người dân Chợ Được, để tri ân công đức tiền nhân, đã thực hiện các bàn cộ trên những chiếc xe kéo và cầu mong mọi an lành cho dân xã một năm mới an khang thịnh vượng.

Sau khi ăn Tết nguyên đán xong, vào ngày 11 tháng Giêng âm lịch, tại xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, dân làng lại tổ chức lễ hội rước Cộ Bà Chợ Được, một lễ hội tín ngưỡng truyền thống của người dân Bình Triều huyện Thăng Bình, lễ hội này gắn liền với lễ hội Bà Chúa Thu Bồn ở Duy Xuyên,

chỉ khác là lễ hội Cộ Bà Chợ Được có sự tích gắn liền với một Tiên nữ mà dân làng cho rằng rất linh ứng, mộ bà sau khi quy tiên chôn tại thị trấn Ái Nghĩa huyện Đại Lộc và đây cũng là lễ hội Bà Thu Bồn ở Duy Xuyên, sự tích bắt nguồn từ một nhân vật nữ thần.

Tương truyền rằng nữ thần ra đời vào ngày 25/2 năm Canh Thân (1799), triều Lê Cảnh Hưng thứ 39, Bà họ Nguyễn, húy là Cửa, vốn là con nhà khuê các tại xã Đại Cường huyện Đại Lộc (còn có tên khác là Phường Chèo), khi sinh ra có những nét khác lạ, khói lam mây trắng che phủ mù mịt một vùng, lớn lên bà trở thành người đẹp, tính nết hiền từ. Là con gái một gia đình khá giả tại châu Phiếm Ái, tổng Mỹ Hòa, Diên Phúc phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Nay là xã Đại Cường, huyện Đại Lộc. Cha từng làm quan trong triều Lê đến chức Đặc Tấn Tùng Đại Phu; mẹ họ Trịnh, húy là Tình.

Sử sách còn ghi lại rằng bà có dáng người khỏe khoắn, da trắng như tuyết, bước đi khác thường, giọng nói sang sảng, được dân làng tôn kính như một vị thần. Sinh thời, bà hành nghề bốc thuốc chữa bệnh cứu được nhiều người. Tuy nhiên không sống trên dương thế được bao lâu, khi đến tuổi thành niên Bà lại từ giã trần gian, quy tiên vào ngày 19/11 năm Gia Long thứ 16, Đinh Sửu - 1818. Sau đó Bà được nhân dân xây miếu thờ tại xã, đến nay vẫn tồn tại, mỗi năm đều được chỉnh trang tu bổ. Tuy thác đi nhưng do lòng mến mộ dân lành, bà thường hiển linh cho thuốc cứu người, trừng trị quan tham hà hiếp dân lành.

Vào năm Tự Đức thứ V, bà qua vùng này thấy phong cảnh hữu tình nên ở lại, mách bảo dân chúng lập chợ, đặt tên làng

là Phước Âm, không lâu sau, nơi đây trở nên sầm uất, người tứ phương tụ về đây làm ăn sinh sống, phát đạt, khu chợ dần dần được dân chúng gọi là Chợ Được – với ý nghĩa cầu gì cũng được, may mắn – sông Trường Giang cũng trở thành đường giao thông thuận lợi, tàu thuyền vào ra tấp nập, có hàng chục chiếc ghe bầu vận chuyển hàng hoá buôn bán đến tận Đồng Nai, Gia Định theo tiếng gọi mời: *ai về Gia Định, Đồng Nai thì về*.

Theo tài liệu xưa thì khi sinh ra bà không có xương sống, nên khi qua đời bà rất linh thiêng, hồn bay lơ lửng khắp cõi nhân gian để độ trì cho mọi người. Bà làm nghề bốc thuốc, chữa bệnh cứu người, trừng trị bọn tham quan vô lại và để giúp dân làng có nơi chốn mưu sinh, Bà đã dùng phép màu tạo nên một cái chợ giữa một bãi cát vắng vẻ trong làng. Dần dần mỗi ngày nơi này thêm đông người lui tới bán mua, dựng quán xá, xây nhà cửa... rồi trở thành một cái chợ thực thụ với đủ chủng loại hàng hóa, ngày ngày mọi người tới lui tấp nập bán mua. Khu chợ này đã đem lại đời sống ấm no cho nhiều người, dân làng *được* một cái chợ để nương nhờ, trao đổi hàng hóa vật phẩm gần xa, *được* an hưởng một cuộc sống phồn vinh, cho nên dân làng lại đặt tên cho chợ là chợ Được.

Để tưởng nhớ công ơn của Bà, người dân địa phương đã xây lăng thờ phụng hương khói hằng ngày, và đệ trình nguyện vọng của nhân dân lên Bộ Lễ xin được Phong sắc cho Bà. Ngoài ra họ còn chọn ra hai ngày tế lễ hằng năm vào ngày sinh của bà là ngày 25 tháng 02 và ngày mất là 19 tháng 11 hằng năm để tổ chức cầu an và tưởng niệm. Sau này triều đình đã công nhận công đức của Bà nên vào năm Thành Thái thứ VI đã phong sắc tặng "*Trung Đẳng thần*" đến năm Khải Định tứ

tuần gia phong “*Thượng Đẳng thân*”. Nhân dân Bình Triều đã đón nhận sắc phong vào đúng ngày 11 tháng Giêng, nay đã thành lệ, nên mới có câu ca dao :

“ *Hàng năm mười một tháng giêng
Chung Cộ hát bộ đua thuyền tri ân* “

Lễ Cộ Bà là lễ lớn nhất trong năm nên thu hút đông đảo nhân dân gần xa náo nức kéo về tham dự. Hiện nay mộ Bà vẫn còn tại thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc. Tại đây diễn ra lễ hội Bà Thu Bồn long trọng hằng năm vào ngày 25 tháng 02 âm lịch tại xã Duy Thu, huyện Duy Xuyên nằm bên bờ sông Thu Bồn. Sự kiện này đã được ghi vào thần phả. Từ đó thành lệ hằng năm, nhân dân tổ chức rước sắc Bà đi khắp khu chợ, mở hội vui chơi, múa hát.

Vào năm phong sắc, Thượng thư Nguyễn Thuật được đề bạt đến Tây Cung đã được Đức Từ Dũ Bác Huệ Khương Thọ Thái Hoàng Hậu ban cho hai đồng tiền vàng : Một đồng hiệu Tam Thọ thờ ở lăng tại Chợ Đước, một đồng hiệu Tứ Mỹ thờ ở lăng bà tại Phiếm Ái. Do đó, hiện nay ở Quảng Nam có hai lăng thờ Bà, một ở sinh quán là huyện Đại Lộc và một ở chợ Đước, huyện Thăng Bình. Về mộ phần nay vẫn còn nguyên vẹn sau lần dời thứ hai đến Trữ Yên, Ái Nghĩa, Đại Lộc cách lăng cũ 5km. Đến nay được người dân vùng đất này tu bổ khang trang.

So với ban đầu thì nay đã có nhiều thay đổi, quy mô lễ hội lớn hay nhỏ đều lệ thuộc vào khả năng tự nguyện của dân xã hàng năm để tổ chức, song các lễ thức luôn bảo đảm các phần chính như : *Rước sắc, lễ tế, lễ hội, rước cộ*.

Phần rước sắc còn gọi là *khoe sắc*, thường được tổ chức trước buổi tế lễ một ngày, tức là vào buổi chiều ngày mùng 10 tháng Giêng âm lịch. Bước vào lễ, ban rước sắc tề tựu đông đủ trước sân đền, xếp theo hai hàng, có cờ lọng, chiêng trống sẵn sàng, chờ ông Thủ sắc vào báo cáo Bà để tiến hành rước sắc ra khỏi đền. Sắc phong do 6 người khiêng sẽ dẫn đầu đoàn cộ, kèm theo là nhóm nhạc bát âm, cờ phướn, tàn lọng, người dân hai bên đường bày hương án đốt hương trầm nghinh đón, lễ đó đến nay vẫn còn.

Đi đầu đám rước có 6 thanh niên cầm 6 cây cờ, theo sau là 8 người cầm một loại tên là cây *petit*, 1 người cầm trống và 4 người cầm hèo, sau nữa là ban nhạc cổ *bát âm* gồm : trống, đàn, kèn, phách, chõa, chiêng, mõ, sáo. Tiếp sau đoàn rước là các vị bô lão, chức sắc trang phục chỉnh tề với khăn đóng, áo thụng, giày hạ đi cùng dân làng. Hành trình của đám rước phải đi hết một vòng quanh chợ, qua các gian thờ của các gia đình trong chợ, rồi mới quay trở lại về đền.

Vào sáng ngày tiếp theo tức là ngày 11 tháng 01 thì phần lễ chính được tiến hành theo sự điều phối của ban tế lễ gồm : Chánh tế đứng bái ngay ở bàn thờ bà, còn lại ba bồi tế đứng bái ở các bàn tả - hữu ban và bàn thờ cô bác ngoài sân; hai người Đông xướng và Tây xướng đứng hai bên hương án hướng về hướng Đông và hướng Tây xướng lễ; chủ tế hướng dẫn hai người trợ nội tán ra vào và trợ xướng, hơn nữa còn có thêm mười người chấp sự đứng thành hai dãy trước điện lo dâng hương, dâng rượu và đọc văn tế, chuyển chúc, đánh trống hiệu. Mọi người đều trang phục với áo dài đen, quần dài trắng, đầu đội khăn đóng, riêng chủ tế và bồi tế đội khăn xanh, mặc áo dài xanh.

Phục vụ nghi lễ có ban lễ nhạc gồm 8 người, mỗi người diễn tấu những nhạc cụ khác nhau tạo thành dàn bát âm như : trống, đàn, kèn, phách, chõa, chiêng, mõ, sáo. Trước khi tham gia lễ, những thành viên trong ban nhạc lễ phải được ban tổ chức tuyển chọn kỹ lưỡng bằng cách xem xét căn mạng, tuổi tác có hợp với năm làm tế lễ thì mới được tuyển.

Việc chuẩn bị cho lễ hội thật chu đáo, song về lễ vật dâng cúng trước đây thì rất đơn giản, toàn bộ gồm 5 mâm lễ vật đặt ở trong sân và 1 mâm đặt ngoài sân, chủ yếu là đồ chay gồm: cơm, xôi, bánh, đồ xào, hương, hoa, trà, trái cây, trầu cau và 6 nải chuối. Tuy nhiên trong những năm gần đây, khoảng thập niên 90, lễ vật dâng cúng bao gồm cả đồ mặn.

Buổi lễ thường bắt đầu khi lễ vật đã chuẩn bị đầy đủ, ban tế lễ và nhạc lễ sẵn sàng, những người tham dự đã đến đông đủ, người đánh trống dón lên 3 hồi trống để báo hiệu bắt đầu buổi lễ, không khí trở nên trang nghiêm với khói hương nghi ngút, ban tế lễ cúng bái dâng hương trong tiếng xướng hô, khấn niệm hòa cùng nhịp trống chiêng vang vọng thật trầm bổng, thiêng liêng, người người đều tỏ lòng thành kính hướng về vị thần linh ứng đã từng phù hộ cho bao người.

Trình tự các lời xướng vang lên đồng dục báo hiệu lệnh để toàn ban tế lễ làm theo, tạo sức thu hút người tham dự thành tâm theo dõi. Xướng trong một buổi tế lễ giống nhau chỉ khác tên các vị thần và tùy vào tính chất của lễ mà xướng cho phù hợp. Xướng có 2 người phía đông và phía tây ¹

¹ Đông xướng, Tây xướng mà rất ít có Nam xướng hoặc Bắc xướng do hướng đình làng, chùa làng, đền miếu thường hướng về Nam nên khi hành lễ hai vị tư lễ đứng hai bên gian đình, một người đứng hướng Đông và một hướng Tây. Việc chọn hướng như vậy do nhiều nguyên nhân, có thể có nguyên nhân lịch sử.

Trong suốt quá trình diễn ra tế lễ, mỗi lần xướng đều có phụ họa cả ban nhạc lễ. Khi phần lễ đã kết thúc thì lễ vật được đem mời dân làng và khách mời.

Lễ hội rước Cộ Bà chợ Được chỉ diễn ra ban đêm, sau khi các vị cao niên trong làng tiến hành xong phần lễ diễn ra ở lăng thờ Bà, các món cúng đều là các món chay. Rước cộ thể hiện dấu ấn của tín ngưỡng cư dân nông - ngư nghiệp sinh sống ở vùng biển Quảng Nam, đồng thời thể hiện lòng tri ân đối với công đức của các bậc tiền nhân và ước mong được cuộc sống ấm no yên lành.

Bên cạnh phần lễ thì phần hội cũng khá sinh động như hội nấu cơm thi, hội đua thuyền.

Hội nấu cơm thi :

Trò chơi này có nam lẫn nữ tham dự, mỗi làng cử ra một đội gồm một nam và một nữ tuổi khoảng 18, 20 tham dự. Đội nào nấu cơm chín đúng thời gian quy định, cơm khô hạt, chín đều và không cháy là thắng cuộc.

Trước khi vào hội chơi, các thành viên tham gia đều phải bịt mắt, khi hội chơi bắt đầu thì trọng tài điểm ba hồi trống. Các đội nhanh chóng bắt tay vào lần lượt từng công việc như: chẻ củi, nhóm lửa, vo gạo, bắt nồi lên bếp và chắn gió, sao cho đạt cả về chất lượng nồi cơm, bảo đảm tiến độ ban tổ chức đưa ra để có thể đạt giải cao.

Hội thi này tạo không khí hào hứng không chỉ đối với người dự thi mà còn cả với người cổ vũ trong làng. Ngày nay, phần hội thường phong phú hơn với nhiều trò chơi dân gian khác, song hội thi nấu cơm vẫn còn được duy trì với tính chất

đơn giản hơn trước, góp phần làm cho lễ hội thêm phong phú đa dạng trong những ngày diễn ra lễ hội.

Ngoài hội thi nấu cơm còn có hội đua thuyền, thông thường nếu có lễ.

Ban đêm chợ Được náo nhiệt bởi rước cộ, đèn đóm sáng trưng thì ban ngày hội đua ghe mừng Lễ hội rước Cộ Bà chợ Được năm nào cũng tổ chức, thu hút đông đảo người dân từ các nơi đổ về xem hội. Đã thành lệ, hội đua ghe hằng năm không thiếu các tay đua đến từ Hội An, Duy Xuyên, Đại Lộc, Núi Thành... Hội đua ghe là một cuộc so tài, đọ sức, đấu trí trên đường bơi quyết liệt, bởi các tay đua không chỉ ăn nhau ở sức chèo mạnh, dẻo dai mà còn ở tài lèo lái vắn tiêu, đặc biệt là tránh sóng xô cho ghe được êm, lướt nhanh trên nước.

Ở Quảng Nam và cả miền Trung, hội rước cộ ảnh hưởng từ người Chăm, mang đậm màu sắc của tín ngưỡng thần nước và tín ngưỡng phồn thực với yếu tố lưỡng hợp: âm, dương. Trong các hội đua ghe ở Quảng Nam người tham gia cuộc đua sử dụng ghe trường, sức chứa có thể lên đến 50 - 60 người, đây là loại ghe dài, chứ không dùng ghe ngang, thường chỉ dành cho các tay chèo nữ.

Để chuẩn bị cho hội đua, Ban tổ chức tìm địa điểm là một khúc sông rồi che rạp, đặt bàn hương án, trang trí cờ quạt lộng lẫy, trang phục của mỗi đội cũng rực rỡ cùng với các thuyền đua được chạm trổ hình rồng, cá sặc sỡ, lôi cuốn người xem...tất cả đã phối hợp thật hài hòa, tạo nên không khí trong những ngày diễn ra lễ hội thêm sinh động, vui vẻ, nhộn nhịp.

Ban tổ chức quy định thể lệ hội đua như sau :

Vị trí bên nước ở trước bàn hương án chính là điểm xuất phát và đích, có ba mục tiêu để thuyền đua hướng vào là tiêu trên, tiêu dưới và tiêu rôn. Bắt đầu khi hiệu lệnh vang lên, thì điểm xuất phát các thuyền đua phải vòng qua tiêu rôn, vượt lên tiêu trên, quay xuống tiêu dưới đủ số vòng quy định và về nhất thì mới được công nhận là thắng cuộc. Nếu đội đua nào chuẩn bị kỹ lưỡng, sức khỏe thuyền viên tốt, đồng đều, kỹ thuật vững vàng kết hợp với sự chỉ đạo của ban huấn luyện và sự cổ vũ của người xem thì sẽ dễ đạt chiến thắng.

Riêng ở huyện Thăng Bình, hội đua thuyền là hội chính trong lễ rước Cộ. Một hoạt động đầy tinh thần thượng võ, tạo không khí sôi động nơi làng quê vốn yên ả thường ngày. Trước đây, thành phần tham gia không chỉ trong phạm vi huyện Thăng Bình mà ban tổ chức còn mời thêm các thuyền đua lớn của hai tỉnh bạn, từ Huế vào, từ Quảng Ngãi ra. Người xem đứng hai bên bờ sông thật đông đúc reo hò cổ vũ sinh động làm tinh thần người tham gia cuộc đua thêm phấn chấn.

Ngoài hội đua thuyền trên sông Trường giang, lễ hội rước cộ Bà còn có hát bộ, nghệ nhân làng cộ có tài chọn trích đoạn diễn cộ như Thánh Gióng đuổi giặc Ân, Hai Bà Trưng đánh Tô Định...phục vụ nhân dân gần xa tập trung về dự hội.

Có thể nói lễ hội cổ truyền Chợ Được được tổ chức hằng năm để tri ân công ơn Bà kết hợp với sức hấp dẫn từ hai trò chơi dân gian truyền thống: hội đua ghe và nấu cơm thi đã làm cho lễ hội rước Cộ Bà chợ Được thêm tung bừng và khởi sắc.

Lễ hội bà Thu Bồn ở Duy Xuyên

<i>Đối tượng suy tôn</i>	<i>: Nhơn thần linh hiển, có công cứu nhân độ thế.</i>
<i>Địa điểm</i>	<i>: Lăng thờ Bà tại làng Thu Bồn, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.</i>
<i>Thời gian Lễ hội</i>	<i>: Ngày 12 tháng 2 âm lịch hằng năm.</i>
<i>Đặc điểm</i>	<i>: Rước kiệu sắc phong, tế lễ và hội đua ghe, hát bội, trò chơi dân gian.</i>



Lễ hội bà Thu Bồn, h. Duy Xuyên (Internet)

Tại làng Thu Bồn, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, không mấy ai mà không biết đến truyền thuyết bà Thu Bồn, người dân nơi đây thường nhắc đến bà với cả tấm lòng tôn kính, trân trọng.

Tương truyền rằng : Ngày xưa có ông bà phú hộ, hạ sinh một người con gái, khi vừa mới ra đời đã có răng, có tóc, diện mạo xinh đẹp. Khác với những đứa trẻ khác thường cất tiếng khóc khi chào đời, thì ngược lại cô chỉ cười chứ không khóc. Quả là chuyện lạ thường nên người người khắp nơi cùng nhau kéo đến xem và đem lòng mến yêu, ước mong có được một người con như thế. Khi lên 5 tuổi, nàng đã biết dùng lá cây, rễ cây trong vườn nhà để chữa bệnh cho mọi người và súc vật trong làng. Tiếng đồn vang xa, ngày càng có nhiều người kéo đến xin chữa bệnh. Bà chỉ chữa bệnh mà không lấy tiền công và lễ vật. Nghe danh cô thầy thuốc xinh đẹp giỏi giang, có nhiều chàng trai đến xin cầu hôn, song bà đều từ chối, lấy lý do là bận tập trung công sức cứu nhân độ thế. Bà cứ sống như thế đến năm tròn 50 tuổi thì bà được tôn vinh là **Đức bà Hằng Cứu Thế**.

Bà đã già từ cõi đời vào đúng giờ Ngọ ngày 12 / 2 âm lịch. Khi qua đời, theo ý nguyện của Bà, dân làng tẩm liệm thi thể bà bằng hoa lá thiên nhiên, chứ không dùng vải vóc như thông thường. Cỗ áo quan của Bà đặt tại đình làng cho đến hết thất tuần (7 ngày 7 đêm), Các chức sắc, hào mục thay phiên nhau túc trực ngày đêm lo hương khói. Mãi đến đêm thứ bảy, mùi hoa từ quan tài bay ra ngào ngạt, dân làng bỗng thấy nắp quan tài đã mở tung, nhìn vào thì rất ngạc nhiên vì chỉ thấy toàn là hoa sứ mà không thấy thi hài của Bà đâu nữa. Trước sự linh ứng này mọi người vô cùng thương tiếc, cùng

nhau bàn bạc để xây một ngôi điện và rước chiếc quan tài đầy hoa sứ này về thờ phụng, Để tưởng nhớ đến công ơn trời biển của Bà, hàng năm dân làng đều tiến hành lễ cúng, từ đó có lễ hội Bà Thu Bồn, có người còn gọi là lễ hội Lệ Bà Thu Bồn.

Có người cho rằng, Bà là một nữ tướng người Chăm (Chiêm Thành), có mái tóc dài óng mượt, tướng mạo phương phi, khi lớn lên Bà thường cỡi voi xung trận. Trong một lần bị quân của Lê Thánh Tôn vây hãm, tiến đánh, Bà chạy về hướng Mỹ Sơn, ngang qua làng Thu Bồn, tóc của Bà bị vướng vào cành cây, ngã từ lưng voi xuống tử nạn. Lại có truyện kể cho rằng, Bà có tên là Bô Bô, một nữ tướng của nhà Lê, khi bị giặc truy đuổi đến làng Thu Bồn thì ngã ngựa, tóc bà vướng vào chân ngựa ngã nhào, bọn giặc tràn tới giết chết bà. Nhân dân làng Thu Bồn cảm phục cái chết của Bà bèn lập lăng thờ phụng. Cũng có sự tương truyền, Bà là người Chăm, giỏi nghề bốc thuốc chữa bệnh cứu dân, Bà đi đánh giặc bị thương ở vùng Phường Rạnh, xã Quế Trung, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, trôi về đến làng Thu Bồn thì mất. Vì cảm khái công ơn Bà, dân làng góp tiền của xây lăng mộ thờ Bà.

Nhưng có lẽ thuyết phục và được truyền tụng trong dân gian với sự tôn kính sâu sắc, chuyện kể: Ngày xưa, ở gia đình một phú hộ nọ, họ sinh được một người con gái. Khi vừa lọt lòng mẹ, bé gái đã có mái tóc dài ngang lưng và hàm răng trắng như ngà ngọc. Bé chỉ cười chứ không khóc như bao đứa trẻ khác. Lên năm tuổi, cô gái đã biết dùng các loại lá, rễ cây trong vườn nhà để chữa bệnh cho người và gia súc trong làng. Tiếng lành đồn xa, nghe chuyện lạ, những người có bệnh nan y, hiềm nghèo ở khắp nơi tìm đến cô để chữa trị. Cô không hề nhận của ai bất kỳ đồng tiền công và lễ vật nào. Khi cô trưởng

thành, đều bỏ ngoài tai và từ chối nhiều lời cầu hôn, kể cả các bậc vương tôn, công tử con nhà giàu có, quyền quý, chỉ dốc lòng vào việc chữa bệnh, cứu nhân độ thế. Đến lúc 50 tuổi, cô được dân làng tôn vinh gọi là *Đức Bà*. Một ngày kia, Bà cho biết vào trung tuần tháng hai âm lịch Bà sẽ đi nơi khác. Sáng hôm sau, ngày 12 tháng 2 Bà ngồi kiết già trước cửa nhà và nhập bồng lai đứng vào giờ ngọ.

Theo lời truyền của Bà, dân làng không dùng vải vóc, mà dùng hoa lá thiên nhiên để tẩm liệm Bà. Quan tài của Bà được để tại đình làng, các chức sắc, hào mục cắt cử nhau túc trực hương khói. Đêm hôm ấy dân làng Thu Bồn vừa mới lên đèn, thì ai cũng ngửi thấy mùi hương ngào ngạt của hoa sứ toả khắp xóm làng, họ bèn kéo nhau ra đình xem, phát hiện nắp quan tài đã mở tung, chỉ thấy bên trong toàn hoa sứ trắng thơm lừng, không thấy thân xác Bà và hoa lá tẩm liệm đâu nữa!. Mọi người lấy làm thương tiếc Bà, liền gấp rút chung góp công của xây cất và cung nghinh chiếc quan tài hoa sứ về mộ táng thờ phụng trong lăng. Rồi từ đó, hằng năm cứ đến ngày 12 tháng 2 âm lịch là tổ chức hành lễ, để con cháu đến tưởng niệm công đức của Bà.

Lăng mộ của Bà tại làng Thu Bồn, trước đây ngôi mộ xây hình nấm, nhân dân trong vùng thường gọi làng mả Hời, mả Chăm (người Chiêm Thành), trong lăng còn thờ phượng Bà Thiên y A na, Diễm Ngọc Phi và phía ngoài có miếu thờ Ngũ hành Tiên nương (thần tích Chăm). Tại Phường Rạnh, làng Trung An, huyện Quế Sơn, là nơi Bà tuần tiết cũng có dinh thờ, đề “*Hiển đức môn*” và dòng chữ “*Trang thực hạnh anh linh*”; trong dinh còn lưu giữ sắc phong Thần cho Bà của vua Minh Mạng.

Mặc dù có nhiều truyền thuyết về Bà, cả trên bài vị thờ Bà đều ghi là *Bô Bô phu nhân*, cũng như vua Minh Mạng sắc phong Bà: “*Thượng đẳng thần*” với hiệu duệ “*Mỹ đức thực hạnh Bô Bô phu nhân*”, nhưng người dân nơi đây vẫn gọi Bà là “*Bà Thu Bồn*”, tên con sông, cũng là làng quê của Bà - Thu Bồn. Ngày nay, ai cũng hiểu Bà là một thần nữ người Chăm, tên là Bô Bô, đã được hôn dung Việt hoá, trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hoá giữa người bản địa với lưu dân người Việt đến sinh sống ở vùng đất này. Yếu tố Chăm - Việt trong tín ngưỡng Bà Thu Bồn, được xem là vị thần có công đức, bảo hộ cho cả cộng đồng cư dân sinh sống nơi đây từ lâu đời, hiển thành tục thờ Mẫu và tục thờ Bà mẹ xứ sở.

Lễ hội Bà Thu Bồn, hằng năm theo lệ được tổ chức ngay tại làng Bà, nằm bên cạnh sông Thu Bồn, trở thành ngày hội truyền thống, thu hút sự tham gia của dân làng cũng như khách thập phương về dự. Đây là lễ trọng trong năm, nên việc chuẩn bị diễn ra gần như khuôn mẫu, phải tuân theo các bước, đúng ngày giờ, gồm: Ban tế lễ là các chức sắc, bô lão và những lương dân uy tín để bầu chọn ra trưởng, phó ban tổ chức, điều hành; cử chánh tế, bồi tế; thời gian làm các kiệu rước, trang hoàng làng thờ, huy động tiền bạc, lễ vật; mời các đội ghe đua, hát bội, phân công cắt cử người dân trong làng mỗi người mỗi việc, tâm niệm đóng góp, sức người sức của cho lễ hội.

Việc bầu chánh tế phải hết cẩn trọng, quyết định sự nghiêm cẩn và thành công của lễ hội. Ông là người đại diện cho dân làng, thông qua tế lễ, trình chấp nối cõi thiêng với trần tục, giữa thần linh với tâm thức người dân, thể hiện lòng kính cầu vọng lên Bà. Vì vậy, chánh tế phải là một cụ già cao tuổi, nhưng còn minh mẫn, khoẻ mạnh, có uy tín trong làng, có kinh

nghiệm am hiểu lễ nghi phong tục, gia đình sống trong sạch, con cháu đủ cả, sống hoà thuận, hạnh phúc, được dân làng, tộc họ trọng vọng, kính nể. Được cử làm chánh tế là vinh dự cho cả gia đình, dòng họ.

Ban tổ chức lễ hội, thường từ 15 đến 20 người, phần lớn là chức sắc, khoa bảng trong làng, và một số chuyên trách đội nhạc lễ bát âm, chiêng trống, khiêng kiệu sắc và cầm cờ lọng, đèn đuốc.

Lễ hội được tuân tự diễn ra như sau:

- *Tiếp nhận bánh trái, hoa quả và cúng tiên thường.*
- *Rước nước, tẩy trần.*
- *Rước sắc.*
- *Lễ tế Bà.*
- *Bày hương án cáo thần để đưa ghe, diễn tuồng, thả hoa đăng.*

1. *Lễ rước Sắc*: Từ chiều ngày 11 tháng 2 âm lịch, Ban lễ rước Sắc tập trung bên Long đình (kiệu rước Sắc), trước nhà ông Thủ sắc (người giữ sắc phong) cung nghinh ra kiệu. Lễ rước cử hành qua đường làng, dẫn đầu là cờ tiết, cờ mao, màu đỏ, tua đen, tượng trưng cho uy lực của thần, tiếp theo là cờ ngũ sắc, tượng trưng cho 5 màu, cũng là 5 hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ (5 đạo quân của Ngũ hành Tiên nương), đi giữa là trống, chiêng, đội bát âm liên tục đổ trống, tấu nhạc lễ, tiếp theo là Long đình (kiệu rước sắc) do 4 người khiêng, mặc áo quần màu đỏ, thắt lưng vàng, chân quấn xà cạp, đầu đội nón dẫu. Và sau cùng là Thủ sắc, mặc áo dài thụng, cùng các vị chức sắc, bô lão, dân chúng trong làng cùng những người đi

ngành đón và dự xem đám rước đứng hai bên đường bao giờ cũng thể hiện sự tôn trọng nghiêm túc. Khi đám rước về đến sân lǎng, trống chiêng thu hồi vừa dứt, Thủ sắc hai tay đợ hòm *Sắc* vào đặt ở bàn thờ chính diện, sau đó ông phải túc trực giữ *Sắc* cho đến khi lễ tạ, *Sắc* được đưa về lại nhà, ông mới xong phần việc của mình.

2. *Lễ rước nước*: Cũng là một nghi thức quan trọng, diễn ra vào khoảng giờ Dần (3 giờ sáng) ngày 12 tháng 2 âm lịch, đoàn ghe thuyền được trang hoàng rực rỡ, cũng chiêng trống, đội bát âm, cờ lọng cùng hàng trăm người, ăn mặc sạch sẽ, áo dài khăn đóng, dưới sự điều hành của vị thủ lễ. Ghe đi đầu có bày hương án, khói hương nghi ngút, cùng 5 ghe chèo ngược sông Thu Bồn lên Phường Rạnh, làng Trung An, huyện Quế Sơn, lễ cáo Dinh Bà, rồi ra giữa dòng sông lấy nước đựng trong lọ sành để trên án kiệu, có đầy đủ các đồ nghi trượng. Chiếc ghe rước nước do những tay bơi dầm được tuyển chọn, trong trang phục lính lệ ngày xưa, đầu đội nón dǎu, dầm bơi sơn vàng, nhịp nhàng trong lời hô hát chèo ghe vang vọng:

Ra đi phải vái lệnh Bà

Bền quân thẳng trận dǎy Bà linh thiêng

Độ 8 giờ sáng, đoàn rước nước về đến bến, nơi đã đông nghịt người đứng hai bên đường từ ngoài mé sông lên đến lǎng Bà, chờ đón trong không khí trang nghiêm. Kiệu rước nước được khiêng về lǎng để làm thủ tục tắm rửa cốt tượng, các thần vị và làm nước cúng.

Theo truyền tụng, lễ rước nước ngày xưa là phong tục của người Chăm, được diễn ra khá qui mô đến 500 người, với lễ phục màu sắc, 5 chiếc kiệu Ngũ hành Tiên nương, 5 mâm ngũ

quả đẹp nhất, 20 cờ Ngũ hành, 2 bộ bát âm, kiệu Bà, kiệu rước nước, đội múa Chăm, Cotu, lính hộ tống v.v... để đưa nước về lăng. Ngày nay trong phần lễ này có sự giản lược bớt, cốt ở ý nghĩa và hình thức cổ truyền của nó.

Lễ tế chính thức Bà Thu Bồn: Trước khi diễn ra đại lễ chính thức có lễ cúng tiên thường, chủ yếu lễ vật là đồ chay và hoa quả, hương đèn cáo trước chư vị thần linh, đất đai bốn xứ và vong linh hồn Bà.

Lễ chính được tiến hành do Ban tế lễ được cắt cử trước đó điều hành gồm một chủ tế, hai bồi bái, hai xướng tế, hai nội tán và mười chấp sự (chấp sự lo việc dâng hương, rót rượu, chuyên chúc, đọc văn). Nội lễ theo trình tự các nghi thức đã được sắp đặt sẵn. Phần nhạc lễ có dàn bát âm, chinh trống. Vật phẩm, lễ vật cúng thần gồm có hai mâm xôi, hoa quả, bánh trái, một con heo quay và một trâu nghé (có người nói là tế trâu sống). Trâu nghé được chọn có đủ sừng cong nhọn, tai to, bụng thon, lông đen mượt, khoẻ mạnh. Trâu giết mổ phải trình xin thần và cho phép của quan trên. Trâu được cạo sạch lông, để nguyên con đặt trên giá tre, hai chân trước quì xuống, trong tư thế lạy thần, mình trâu bôi bằng máu đỏ của trâu. Heo quay cũng để nguyên con và đặt nằm úp trên mâm thau lớn, hai chân trước cũng trong dáng quì.

Trong lăng Bà, đúng 8 giờ sáng, ngày 12 tháng 2 âm lịch, theo trống hiệu, chiêng hiệu khởi gióng, trong không khí hương đèn, trầm giác sực nức và nhạc lễ bát âm đồ hồi. Chánh tế tiến vào trước hương án thờ Bà: Nghinh thần (lạy 4 lạy) rồi hiến lễ, dâng lễ vật lên thần. Sau sơ hiến lễ có đọc văn chúc.

Chủ tế quỳ lạy nhận lộc Thần ban. Cuối cùng là lễ tạ, chủ tế lạy 4 lạy.

Quá trình tiến hành lễ tế Bà, quan trọng nhất là bài văn tế, trong mỗi năm có thêm bớt đôi chỗ, nhưng cốt lõi vẫn là áng văn cổ tự nói lên sự hiển linh, công đức của Bà, sự hàm ơn ân dày, đức trọng được Bà che chở, độ lượng, nên con dân phải sống nhân ái, tránh điều ác, làm việc thiện và cầu cho quốc thái dân an, được xưng tế trong sự kính cẩn, bồi hồi của người tham dự.

Kết thúc lễ tế, tất cả các vật phẩm cúng dường được dùng để mời khách và tổ chức ăn uống cho dân làng, chủ yếu là cho người già, trẻ em và đại diện các tộc họ trực tiếp tham gia lễ hội.

Lễ hội thật sự là ngày vui đặc biệt, mọi người khắp nơi tấp nập kéo về, từ giới buôn bán, làm ruộng, nghề rừng, nghề cá đến quan chức, giáo chức học trò, bà con Chăm, dân tộc thiểu số ở Đại Lộc, Hoà Vang đem đặc sản, phẩm vật đến dâng cúng Bà, cầu xin Bà độ trì làm ăn gặp nhiều may mắn, sức khoẻ, bình an.

Phần hội của ngày lễ cũng không kém phần quan trọng, với nhiều hình thức vui chơi dân gian phong phú, phù hợp với nhiều đối tượng. Trong đó thu hút hàng ngàn du khách và tất cả dân làng chờ đợi thưởng ngoạn là hội đua ghe và hát bội, ngay tại khu vực lăng Bà.

Sau lễ tế, lễ viếng là đua ghe. Ngoài những chiếc ghe của các đội, vạn ghe nổi tiếng của làng, có khi mỗi năm đóng mới, còn không thì dùng ghe cũ (loại ghe đua) đều đưa xuống sông tập dượt cật lực. Hội đua thường được mời các đội ghe chiến

từ các địa phương trong tỉnh, huyện và tỉnh bạn về dự, không chỉ vì tính hấp dẫn, đặc thù sông nước mà còn có sự linh hiển của Bà. Theo qui định thành lệ, trước khi vào cuộc đua, các ghe phải đến tế lạy trước lăng Bà. Mỗi hội đua từ 30 người trở xuống, đều mặc đồng phục, đầu chít khăn vải (vải đỏ hay vàng, tùy đội chọn). Đua ghe có thưởng theo hạng bằng hiện kim, kèm cặp rượu, lá cờ hội. Tiền không nhiều, tượng trưng là chính, nhưng vinh dự lớn nhất là được đến dự lễ hội Bà hằng năm, là dịp thi tài, góp vui cùng dân làng, thể hiện sự đoàn kết của cộng đồng nhân dân bất luận xa gần.

Đêm xuống là lúc hội vui hát bội khai diễn. Hát bội có khi diễn trọn 1 đêm một tích tuồng, có khi hát “pho” (một pho tuồng diễn vài ngày đêm mới hết). Hát bội vẫn là bộ môn diễn xướng dân gian, đậm chất nghệ thuật và ý nghĩa nội dung của tích truyện có hi, nộ, ái, ó, luôn thu hút, lôi cuốn người xem. Nhân dân, nhất là người lớn tuổi đi xem hát bội như để giải toả, gửi gắm ước vọng tâm linh về cuộc sống và đức tin về vận may, điều rủi, riêng tư của mình qua tính cách nhân vật và nội dung, ý nghĩa của vở tuồng. Có người đi xem hát bội, coi như đi bói tuồng, nhất là những màn có tuồng, kếp đồ ra diễn, khi họ vừa đến, là điều tốt lành, may mắn đối với họ.

Đội tuồng thường là của địa phương, do những người có năng khiếu, hát hay, diễn giỏi tập hợp nhau lại dựng vở, cắt dán, may sắm phục trang, vẽ phong màn, làm đạo cụ, có khi làng mời những gánh hát, đội tuồng nổi tiếng về hát phục vụ bà con trong ngày hội lễ.

Trước khi mở màn đêm hát, kếp chính của đội tuồng phải trình diễn trước lăng Bà một trích đoạn hay nhất trong vở diễn,

coi như *thưa xin với Bà*. Sân khấu hát bội thường ở ngoài trời, người xem kẻ ngồi người đứng; cũng có lúc xây rạp có chỗ ngồi bằng tre gỗ. Quá trình biểu diễn, những đào kép hát hay được thưởng châu, thưởng thẻ (mỗi thẻ ném lên sân khấu có trị giá một vài trăm, nhiều thẻ cộng lại cũng được số tiền kha khá), chủ yếu là động viên, cổ vũ diễn viên diễn, hát hay hơn nữa. Hát bội trong lễ hội Bà Thu Bồn trở thành sinh hoạt văn nghệ dân gian truyền thống, được dân làng trân trọng, chờ đợi, vì thế các vở tuồng phải là mẫu mực như *Phạm Công - Cúc Hoa*, *Thoại Khanh - Châu Tuấn*, hay *Ngũ hổ bình tây*... diễn đi diễn lại hằng năm.

Ngoài hai loại hình đua ghe, hát bội, lễ hội còn có hội thả hoa đăng, hát bài chòi, thi làm bánh và nhiều trò chơi khác diễn ra suốt lễ hội.

Có thể nói *Lễ hội Bà Thu Bồn* là một tập tục sinh hoạt văn hoá tâm linh được duy trì trong cộng đồng dân cư, kết hợp hài hoà giữa lễ và hội, giữa vật chất và tinh thần, giữa tín ngưỡng tôn giáo và cuộc sống đời thường, phản ánh nét đẹp lành mạnh, trong sáng, không mang yếu tố, hơi hướng mê tín dị đoan.

Tôn thờ nhân thần hiển linh, chính là biết trân trọng nhân tố, hành vi nhân cách, đạo đức tốt đẹp, dù đó là “Thần”, vẫn là hình ảnh đẹp trong nếp nghĩ, lối sống, cùng ước vọng của dân làng, giáo dục lòng yêu thương, uống nước nhớ nguồn của dân tộc. Vì thế, lễ hội Bà Thu Bồn vào tiết Xuân nhật hàng năm, luôn là nơi thu hút người bốn phương về đây tham dự đông đúc, và trở thành nơi tưởng vọng không thể quên được đối với mọi người.

Lễ hội Long Chu ở Hội An

<i>Đối tượng</i>	<i>: Khổng chế ôn dịch, ma, quỷ</i>
<i>Địa điểm</i>	<i>: Phường Cẩm Phô, Thị xã Hội An</i>
<i>Thời gian</i>	<i>: Ngày 15 tháng 7 âm lịch</i>
<i>Đặc điểm</i>	<i>: Rước Long Chu trong làng, thị xã để bắt giữ ôn dịch, ma quái rồi đốt cháy Long Chu để diệt chúng.</i>



Lễ hội Long Chu, tp. Hội An (Internet)

Lễ hội Long Chu hàng năm tổ chức ở những làng ven sông biển ở Quảng Nam và Đà Nẵng vào dịp tháng 6 tháng 7 âm

lịch, khi thời tiết chuyển tiếp từ mùa hè nóng nực sang mùa mưa, điển hình nhất là ở thị xã Hội An. Đây là thời điểm thường phát sinh những bệnh nhiệt đới dễ lây truyền thành dịch bệnh như bệnh kiết lỵ, dịch tả, thương hàn, đậu mùa, viêm mắt, tiêu chảy... dẫn đến tử vong nhiều khi không ít trong điều kiện vệ sinh môi trường và y tế địa phương trước đây còn hạn chế.

Do trình độ kiến thức khoa học chưa cao trong nhân dân ngày xưa, nên họ quan niệm rằng đau ốm, bệnh tật là do khí trời độc cộng thêm sự tác oai tác quái của lực lượng vô hình như yêu ma, ác quỷ gây nên, vì vậy cần phải làm lễ cầu thần thánh tống ôn dịch, xua đuổi tà ma để không cho chúng quấy nhiễu gây ra bệnh tật cho con người để xóm làng được bình an, yên vui.

Ở Quảng Nam và Đà Nẵng, Lễ hội Long Chu thường được tổ chức theo từng làng, từng vạ chài, nhất là những nơi có chợ búa, bến thuyền có nhiều người tụ hội mua bán đông đúc.

Long Chu theo nghĩa đen là loại thuyền có hình dạng con rồng (đầu và đuôi rồng) chạm trổ tinh vi, sơn son thiếp vàng, là phương tiện độc tôn dành cho vua chúa thời xưa, còn gọi là *Rồng thuyền* để đi lại trên sông nước dạo chơi, giải trí, thưởng ngoạn phong cảnh hay khi tuần du từ kinh đô đến các địa phương xa xôi.

Theo quan niệm dân gian, *Long Chu* còn là biểu tượng của một vật thiêng mang sức mạnh của thần linh có quyền lực không chế, trấn áp ma quỷ, thần ác chuyên gieo rắc ôn dịch, khổ đau, chết chóc cho con người.

Lễ hội Long Chu là một lễ hội mang nhiều ý nghĩa thực tế liên quan đến cuộc sống của mỗi gia đình, vận mệnh của toàn dân làng, nên được chuẩn bị chu đáo và được đông đảo nhân dân hưởng ứng và tham gia.

Ở Hội An, lễ hội này được tổ chức vào *trung nguyên là rằm tháng bảy âm lịch hàng năm* và cũng có thể tổ chức thêm vào thượng nguyên là rằm tháng giêng âm lịch hàng năm.

Các chức sắc và các tộc trưởng trong làng cử ra *Ban Chánh tế*, mời *thầy pháp* chủ trì lễ tế, cất người lo công việc thuê thợ mã làm Long Chu, quét dọn đình làng, lo lễ vật hương hoa trà quả, lo việc đón khách...những việc này phải hoàn thành trước ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 1 âm lịch.

Trước ngày lễ chính, *thầy cả* dẫn các phụ tá của mình và 7 *thầy pháp* cùng các *học trò lễ* đi làm phép trấn yểm ở những nơi nghi ngờ có ma quỷ tụ tập như các ngã ba, ngã tư, các nơi rậm rạp, gọi là "*trấn đạo lộ*" bằng cách quét dọn sạch sẽ và cắm những *lá bùa* bằng gỗ hay bằng tre, trên đó vẽ sẵn các hình thù kỳ dị. Nhân dân trong làng được Ban chánh tế thông báo đến từng nhà phải dọn dẹp sân ngõ trong ngoài cho sạch sẽ phong quang; đường trong làng được đắp sửa, dẫy cỏ; các kênh mương vũng nước tù đọng phải san lấp hoặc khai thông; các lùm cây, bờ bụi rậm rạp đều được phát quang, dọn sạch rác rến và rải vôi bột. Ở những ngã ba, ngã tư, những nơi rậm rạp được đặt bàn thờ ở đây để cho ma quỷ không thể tụ tập để phá hoại. Do vậy, đoàn trấn yểm ngoài các *thầy cả*, *thầy pháp*, *học trò lễ* còn có sự tham gia của dân làng. Đi đầu đoàn trấn yểm là những tráng đinh mang chiêng, trống, thanh la, vừa đi

vừa la hét xen kẽ với tiếng chiêng, trống, thanh la náo nhiệt, tạo ra khí thế xua đuổi, trấn áp ma quỷ, quét sạch tà khí.

Sau khi hoàn thành công việc trấn áp ma quỷ, các thầy pháp quay trở về đình làng, dán những lá bùa lên bốn cột ở bốn góc đình và cửa chính của đình. Lúc này tại sân đình, một số gia đình trong năm qua bị ma quỷ quấy phá đã chực sẵn, trong tay cầm những tảng đá nhặt trong vườn nhà mình nhờ các thầy pháp vẽ bùa lên đó để đem về yếm trong vườn.

Trong không khí sôi động ở sân đình, người ta thấy Long Chu đã được đặt vào đêm hôm trước ở giữa sân đình, mũi quay vào hương án, Long Chu là một mô hình thuyền rồng dài khoảng 5-7m, khung bằng tre, được phết giấy bồi ở bên ngoài, mũi hình đầu rồng, đuôi hình đuôi rồng được trang trí những tua giấy ngũ sắc, giấy trang kim sắc sỡ, bên trong có bàn hương án để đặt bát hương và những lễ vật dâng cúng như bánh trái, xôi thịt, cháo chè, gạo muối, thuốc, nước và treo hai chiếc lồng đèn bằng giấy bóng. Xung quanh thân Long Chu treo các lá bùa hình vuông nhỏ bằng vải.

Long Chu được đặt trên những đòn bằng tre dài ghép lại để khiêng đi. Sau một hồi trống chiêng, thầy cả làm phép "*điểm nhãn khai quang*" dán mắt cho Long Chu. Tiếp theo là *lễ vô khoa* là lễ cúng tổ phù thủy mở đầu cho các nghi lễ tiếp theo, kéo dài trong hai ngày hai đêm, theo trình tự sau:

- *Lễ Túc yết*: Là *lễ cáo thần* được tiến hành trong thời gian chuyển từ ngày cũ sang ngày mới vào ban đêm, thường được thực hiện ở giờ Tý, từ 12 giờ đêm đến 1 giờ sáng. Lễ vật rất đơn giản chỉ gồm hương hoa, trà, quả, nước sạch.

- *Lễ Tế thần* được bắt đầu từ giờ Mẹo, nghĩa là 5-7 giờ sáng. Đây là lễ mặn nên lễ vật có thịt lợn, thịt gà v.v.. Ngoài ra, trong thời gian tiến hành lễ có nghi xướng: Ông Chánh bái đọc văn tế và Đội bát âm cử nhạc trong không khí trọng thể trang nghiêm.

- *Lễ Tế chính* được cử hành vào giờ Thìn, nghĩa là từ 5-7 giờ sáng trong cùng ngày, là *lễ cúng Long Chu*. Đến lúc này, thầy cả mặc áo Thái Thượng Lão Quân in hình bát quái, thắt giây lưng màu đỏ, vai vắt khăn ấn, đầu đội mũ tì lư, đi hia, một tay cầm vãng cầm hương (chuông lắc), tay kia bắt quyết với sự phụ tá của các thầy điệu và các học trò lễ trong tiếng nhạc rộn rã.

Thầy cả vừa bắt quyết ra lệnh di chuyển và quay mũi Long Chu ra hướng cổng đình vừa đọc những bài chú có nội dung khảo ôn, tống quái (đánh ôn dịch, đuổi ma quái) như "*ra tay bắt kẻ tà ma làm bệnh, sát quỷ trừ tà, hộ bốn chủ v.v...*". Giữa mỗi đoạn chuyển ý của bài chú, thầy cả lại gõ vào hương án bằng gậy, trong khi đó các thầy điệu điểm nhạc, các học trò làm lễ dâng hương... Thầy cả vừa đọc chú vừa đi quyền, di chuyển khắp sân đình với những động tác của một trận quyết chiến dữ dội giữa con người và ma quỷ làm cho những người đến tham dự càng phấn kích, số người tập trung đến sân đình mỗi ngày mỗi đông.

Đến lúc trời về chiều, các thầy phù thủy thay nhau đọc văn cúng, đặc biệt là bài văn triệu tập 32 vị tướng chỉ huy và bài văn triệu tập âm binh về để được phát lương, giúp các thầy phù thủy trừ ma quỷ. Cuộc cúng tế cho đến giờ Dậu, gần tối. Bên cạnh những bài thần chú, bài kinh chứa những nội dung

kỳ bí, các thầy phù thủy đã đọc 12 bài văn cúng, trong đó có bài văn lễ Nương Nương, Hà Bá..., bài văn khải thổ ôn, thổ giới, thổ quý...

- *Lễ rước Long Chu*: Hết phần lễ chính có mục đích đánh bắt hết các ma quỷ gây bệnh để đưa chúng lên Long Chu nhốt lại nhằm tống khứ chúng đi, là đến phần Lễ rước Long Chu.

Thầy cả vừa vẽ bùa, vừa bắt ấn cho Long Chu vừa xướng: "*Yểm ghe đi không được ngó lại; yểm lục giáp, lục át hung thần đi cho mau; lục bình lục đình quỷ mị phải gáp; lục mậu lục ky lánh đi mau; lục oanh lục tân tà ma hoá ra bụi bặm; lục nhâm lục quý, hung ương lánh nạn đi cho xa!...*"

Chấp hành lệnh của thầy cả, 12 tráng đinh ăn mặc như phường hát bội bắt đầu khiêng Long Chu ra khỏi cổng đình rồi, chạy lúp xúp, bên trên có thầy cả ngồi, tay vắt chéo hai thanh gươm ở gần hương án bên trên có tàng lọng che. Các tráng đinh chạy theo tiếng trống thúc liên hồi, tiếng pháo nổ ran trời. Các tráng đinh chạy theo nhịp trống giục với hàm ý như một cuộc rượt đuổi tảo trừ ma quỷ...Đi đầu Long Chu là những tráng đinh lực lưỡng, tay cầm đuốc dẫn đường, hai bên Long chu có thầy phù thủy và những tráng đinh cầm cờ ngũ sắc, đi sau Long Chu có bốn tráng đinh tay cầm roi dâu, ông Chánh bái và ban đại diện các làng và đoàn chiêng trống. Các tráng đinh cầm những roi dâu dài quất vun vút hai bên đường, vào các bụi cây, miệng đọc chú trừ tà. (trong dân gian có quan niệm rằng roi dâu có tác dụng xua đuổi tà ma). Theo sau cùng đám rước là đoàn người lớn bé trong làng kéo dài mấy chục thước nối đuôi theo, nhất là đám trẻ con vừa cười nói vừa hò hét vang trời.

Đám rước đi khắp ngõ ngách trong xóm làng, đến tất cả nơi đã được trấn yểm trước. Người trong mọi gia đình đều chuẩn bị sẵn sàng, trước nhà đặt hương án, có gia đình đặt cả Long Chu thu nhỏ trước mặt nhà, tay cầm đuốc, tay cầm roi dâu quất khắp trong nhà ngoài vườn để xua đuổi tà ma quỷ quái ra khỏi nhà mình rồi xông ra đường đốt các đồng rơm lửa sáng rực cả ngõ xóm, chờ Long Chu đến để bắt nốt các tà ma gây bệnh tật tống khứ lên Long Chu. Họ đốt pháo đón Long Chu, quăng các bó roi dâu vào trong thuyền, giật lấy các lá bùa treo xung quanh Long Chu đem về treo đầu ngõ, trong nhà để yểm trừ ma quỷ, người lớn trẻ em chen nhau chạy theo Long Chu hò hét làm náo động cả xóm làng.

Đến đúng giờ Hội (9-11 giờ đêm) đám rước Long Chu dừng lại ở một địa điểm vắng vẻ của làng rồi châm lửa đốt cháy Long Chu để tiêu diệt hết ma quỷ. Ở những nơi gần sông, người ta đẩy Long Chu xuống nước trên đó có những thau dầu phụng làm đèn cháy sáng. Long Chu trôi dần ra xa cuối cùng bị sóng và dòng chảy đánh chìm để chìm chết hết ma quái.

Từ năm 1919, Albert Sallet trên " *Bulletin des Amis du Vieux Hué* " (Tập chí của những người bạn cố đô Huế) đã mô tả sơ lược Lễ hội Long chu ở Hội An như sau: "*Lễ hội theo tập tục đó tiến hành vào ngày 20 tháng 7 âm lịch. Lễ hội diễu hành long trọng và náo nhiệt. Trong quá trình lễ hội đó, một chiếc thuyền bằng hàng mã lớn được trình bày với đầy đủ buồn lái. Nó được đốt đi sau khi thúc lễ hội.*"

Sau đó những người tham gia Lễ hội Long Chu và bà con trong làng xóm kéo nhau về một bãi đất trống hay một sân nhà rộng trong làng để hò hát vui chơi cho đến tận khuya.

Trước Cách mạng tháng 8.1945, Lễ hội Long Chu được tiến hành hàng năm vào tháng 7 âm lịch ở các làng trong đất liền cũng như ven biển, ở làng tổ chức lớn, ở thôn tổ chức nhỏ, nhưng mất đi sau Cách mạng cho mãi đến năm 1995 mới được phục hồi ở làng Cẩm Phô, thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Có thể nói rằng Lễ hội Long Chu là một loại hình *lễ hội dân gian truyền thống độc đáo*, biểu hiện một hoạt động văn hoá tâm linh của người dân địa phương trên một vùng đất mới định cư với ước vọng được sinh sống khoẻ mạnh không bệnh tật và làm ăn an cư lạc nghiệp. Ở đây yếu tố mê tín dị đoan đã xen lẫn vào nhiều khi khá sâu, làm chìm khuất bản chất đích thực ban đầu của lễ hội làm cho nội dung về hội (hò hát, vui chơi...) ít nhiều bị mờ nhạt đi.

Lễ hội Long Chu hiện nay ở làng Cẩm Phô, thị xã Hội An có phần đơn giản hơn trước nhằm loại bỏ những yếu tố nội dung mê tín, dị đoan (vai trò của thầy pháp, thầy phù thủy không còn đóng vai trò chính) không còn phù hợp, vì vậy cần được bảo tồn và phát huy, nhất là về phần hội nhằm góp phần vào hoạt động dịch vụ du lịch của Di sản Thế giới Hội An.

Lễ hội Quán Thế Âm ở Đà Nẵng

<i>Đối tượng</i>	<i>: vía Quán Thế Âm, cầu Quốc thái dân an</i>
<i>Địa điểm</i>	<i>: Chùa Quan Âm</i>
<i>Thời gian</i>	<i>: Ngày 19 tháng 02 âm lịch</i>
<i>Đặc điểm</i>	<i>: Phật tử và nhân dân trong vùng, các trò chơi dân gian</i>

Ngày xưa lễ tôn giáo tại các chùa ở Ngũ Hành Sơn cũng giống như lễ của các điện thờ phật bình thường. Hằng năm có các lễ lớn là lễ vía Quán Thế Âm ngày 19/6 âm lịch; lễ vía Phật Di Đà (17/11 âm lịch); Phật Thích ca, sau hết là lễ vía Thượng đế Ngọc Hoàng. Nhưng đến năm 1960 lễ vía Quán Thế Âm mới được tổ chức thành lễ hội Quán Thế Âm, nhân ngày lễ khánh thành tượng Bồ tát Quán Thế Âm ở động Hoa Nghiêm (núi Thủy Sơn). Sau đó vào năm 1962, lễ hội được tổ chức tại động Quán Thế Âm (núi Kim Sơn) nhân dịp khánh thành chùa Quán Âm. Từ đó đến năm 1990, do chiến tranh và nhiều lý do khác, lễ hội không được tổ chức. Đến ngày 19 tháng 2 Âm lịch năm 1991, được sự cho phép của Ủy ban nhân dân huyện Hoà Vang và tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ), lễ hội Quán Thế Âm được tổ chức trọng thể với quy mô lớn và nội dung phong phú, kéo dài trong 03 ngày, khởi đầu cho những lễ hội lớn các năm sau đó.



Lễ hội Quán Thế Âm, tp. Đà Nẵng (Internet)

Lễ hội Quán Thế Âm ở Ngũ hành Sơn nay đã được ghi vào danh mục những ngày lễ hội lớn của cả nước, gắn với khu di tích lịch sử - văn hoá và danh thắng, đặc biệt là động Quan Âm, một động có chiều dài hơn 50m, chiều ngang khoảng 10m và cao từ 10 – 15m. Đường vào động là những bậc đá tự nhiên đi sâu vào lòng núi. Trong động là những lớp thạch nhũ bám vào vách đá tạo thành bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát cao bằng người thật, cân phân, thanh tú. Một lớp da đá lấp lánh như kim tuyến bề ngang hơn 20cm phủ từ bờ vai chạy dài đến hết thân tượng. Chân đứng trên lưng con rồng đang cuộn mình giữa tầng tầng sóng gợn. Tay phải nâng bình nước cam lồ, phía sau có hình tượng thiên tài đồng tử, phía bên trái là hình chim

không tước hai cánh tỏa rộng khắp trần động. Bên phải là khóm trúc, sau lưng là một dải mây ngũ sắc lung linh. Có thể nói đây là một bức phù điêu tuyệt mỹ của thiên nhiên tạo nên và với hình tượng này mà động mang tên là động Quan âm và cũng chính hình tượng Phật bà Quan âm thiên tạo đã làm nên sức hấp dẫn cho các tín đồ, du khách trong cả nước đến chiêm nghiệm lễ bái, tạo cho lễ hội Quán Thế Âm sự huyền bí thiêng liêng hiếm có.

Về Phật tích Quán Thế Âm

Theo Phật thoại (được ghi ở Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Bỉ Hoa và Kinh Pháp hoa, Quán Thế Âm là một vị cô Phật. Ngài là con vua Vô Tánh Nhiệm (tiên thân của Phật A Di Đà). Ngài theo Phật A Di Đà và tu hành thành chính quả. Từ đó Ngài hoá thân thành Phật Bà Quán Thế Âm, phát nguyện đại từ bi cứu độ chúng sinh bị đau khổ trong vũ trụ nhân sinh.

Từ lâu nay, hình tượng Phật Quán Thế Âm gắn với cộng đồng các dân tộc theo đạo Phật trên thế giới như đáng cứu nạn, cứu khổ. Hơn thế nữa, hình tượng Quán Thế Âm còn được đại đa số nhân dân Châu Á, đặc biệt là nhân dân Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ, Triều Tiên, Hàn Quốc tôn trọng, thờ phượng như hình ảnh một “Người mẹ” với tâm nguyện cho sự hiền từ, che chở cứu giúp.

Truyền thuyết về sự hình thành Ngũ Hành Sơn và Phật thoại về Đức Phật Quán Thế Âm đều cùng một hình ảnh về người phụ nữ, một người mẹ hiền từ, sự gặp nhau của những

yếu tố này đã làm cho lễ hội Quán Thế Âm ở di tích Ngũ Hành Sơn càng thêm có ý nghĩa. Do vậy, mà hằng năm đã thu hút khá đông khách thập phương đến với lễ hội.

Nội dung lễ hội Quán Thế Âm

Cũng như bao lễ hội khác, Lễ hội Quán Thế Âm bao gồm hai phần: Lễ và Hội. Phần lễ mang đậm màu sắc lễ nghi Phật giáo hoà quyện với phần Hội là những sinh hoạt văn hoá cổ truyền đậm tính nhân văn và bản sắc văn hoá dân tộc. Nội dung phần lễ gồm:

+ Phần Lễ

Lễ rước ánh sáng:

Nghi lễ rước ánh sáng thường tổ chức vào tối ngày 18, gồm rước đuốc, rước kiệu, múa lân, múa rồng vào ban đêm, để cầu mong ánh sáng soi đường cho chúng sinh, mà trong Phật giáo ánh sáng đồng nghĩa với trí tuệ. Trí tuệ sáng thì tâm lòng, đạo đức trong sáng, sẽ làm được nhiều việc thiện.

Lễ khai kinh:

Lễ được tổ chức vào sáng sớm ngày 19, đây là lễ cầu nguyện cho quốc thái dân an, chúng sinh an lạc.

Lễ trai đàn chẩn tế:

Lễ này cũng được tổ chức vào sáng ngày 19 để cầu siêu, cúng thập loại chúng sinh, thường trước đó đồng bào phật tử gởi danh sách những người thân của mình đã mất (chết) đến chùa để làm lễ cầu siêu. Trong lễ này phải mời người có giới phẩm đứng ra làm lễ.

Lễ thuyết giảng về Bồ tát Quán Thế Âm và dân tộc:

Lễ cũng được tổ chức vào sáng ngày 19, để nói về lòng từ bi bác ái của Đức Phật Bồ tát Quán thế âm và cầu nguyện cho dân tộc an bình, thịnh vượng.

Lễ rước tượng Quan âm:

Lễ này được tổ chức vào khoảng 10 giờ sáng ngày 19, sau các nghi lễ trên. Lễ rước tượng Phật bà Quán Thế Âm, gồm có 4 người khiêng kiệu trên có tượng Phật bà đi trước và đồng bào phật tử cầm hoa đi sau, kiệu được khiêng từ trên chùa và đi xuống chiếc thuyền đậu trên sông Trường Giang (sông Cổ Cò), sau đó thuyền chạy vòng quanh sông Trường Giang. Lễ này nhằm cầu nguyện cho đồng bào, chúng sinh đi biển, đi làm ăn trên sông nước được thuận lợi, bình an, đức Phật sẽ phù hộ, độ trì cho họ được no ấm, hạnh phúc.

Ngoài các nghi lễ trên, còn có lễ tế Xuân (cúng Sơn Thủy, Thổ Thần) để cầu quốc thái dân an. Lễ thường được tổ chức vào đêm ngày 18. Nội dung giống như các lễ tế Xuân, Thu trong cả nước. Lễ được tổ chức tại chùa Quán Thế Âm. Trong lễ này các bô lão của các phường Hoà Hải, Hoà Quý, Khuê Mỹ, Mỹ An sẽ khăn áo, cờ lọng chỉnh tề tay cầm đuốc sáng, lồng đèn, có đội nhạc cổ và chiêng trống tùng tùng. Sau khi làm lễ và đọc văn tế đoàn bô lão sẽ dẫn đầu đoàn rước cộ xuống bờ sông trường Giang để mở hội hoa đăng, sau đó đi từ chùa Quán Thế Âm theo đường Sư Vạn Hạnh xuống đường Huyền Trân Công Chúa, qua làng đá Mỹ nghệ Non Nước và trở về lại lễ đài với lộ trình dài khoảng 2km.

+Phần hội:

Gồm hội hoá trang, hát bội (tuồng), thi các môn: thi pháp, tranh thuỷ mặc, thả đèn trên sông Cổ Cò (hoa đăng), đua thuyền, lắc thúng chai, kéo co, bơi chải, thi nấu ăn chay, trang trí công trại, hát bài chòi, thiền trà, triển lãm tượng đá và hội thi điêu khắc đá của làng đá mỹ nghệ Non Nước... kéo dài trong suốt 3 ngày, 3 đêm trong khuôn viên chùa Quán Thế Âm, núi Kim Sơn và bên bờ sông Cổ Cò.

Đặc biệt, ngoài các phần hội nêu trên còn có rước kiệu và đêm hội sân khấu hoá về “Truyện thuyết Ngũ Hành Sơn”, trong đó gồm:

Kiệu rước bằng công nhận di tích lịch sử - văn hoá và danh thắng Ngũ Hành Sơn (do 60 nam nữ của Ban Quản lý Khu di tích Ngũ hành Sơn và phường Hoà Hải thực hiện)

Kiệu rước tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm và hoạt cảnh về phật tích Bồ tát Quán Thế Âm gồm hoá trang đức Phật Bà, tiểu đồng, các vị Bồ tát và Tiên nữ, Tử Thiên Vương theo hầu (do gia đình Phật tử chùa Quán Thế Âm thực hiện).

Kiệu rước bài vị thờ ông tổ nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước và hoạt cảnh về sự sinh cơ, lập nghiệp của ông Tổ nghề đá (Thạch tượng tổ sư) tại Ngũ Hành Sơn cách đây gần 500 năm do Phường Hoà Hải thực hiện.

Kiệu và hoạt cảnh hoá trang “Các anh hùng chí sĩ Ngũ Hành Sơn), rước kiệu và hoá trang các anh hùng, chí sĩ qua các thời kỳ dựng nước, giữ nước từng sống, chiến đấu tại các hang động của Ngũ Hành Sơn như Nguyễn Duy Hiệu (phong trào Cần Vương), Trần Cao Vân, Thái Phiên (phong trào Duy Tân), Ông Ích Đường (phong trào chống sưu thuế 1908) Lê Văn Hiến, Thái Thị Bôi (Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội),

các anh hùng chí sĩ quân dân Hoà hải, Hoà Quý, Khuê Mỹ, Mỹ An anh hùng trong hai cuộc kháng chiến. Kịch bản hoạt cảnh thực hiện nhằm khơi dậy truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ.

Các tiết mục rước kiệu đã tạo nên một không khí rộn ràng hoành tráng, diễn ra trên một không gian rộng lớn trên toàn bộ khu vực di tích Ngũ Hành Sơn trong tiếng chuông, trống, âm nhạc cổ truyền, cùng màu sắc cờ xí, đuốc, lồng đèn và của quần chúng đi xem hội.

Đặc biệt lễ hội Quán Thế Âm năm 2008 đã giới thiệu với du khách hai tác phẩm đó là Bức tranh Ngũ Cốc có kích thước 14 x 2,8m thực hiện bằng 200 kg ngũ cốc các loại với ý nguyện cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, đất nước phồn vinh và tâm thiệp chúc mừng Tết Mậu Tý 2008, hai mặt lớn nhất từ trước đến nay (8m x 5m).

Nhìn chung lễ hội Quán Thế Âm là sự kết hợp giữa lễ và hội, giữa văn hoá dân tộc và văn hoá tôn giáo, giữa truyền thống và hiện đại. Hấp dẫn, thu hút cả lớp người cao tuổi với thế hệ trẻ, xâu chuỗi cả một chiều dài lịch sử đầy khí phách và lòng tự hào dân tộc, tự hào về quê hương xứ sở, về đất nước Việt Nam yêu quý của chúng ta.

Lễ hội Quán Thế Âm được tổ chức hàng năm cùng với những lễ hội khác trên khắp đất nước là một cuộc sinh hoạt văn hoá cộng đồng rộng lớn góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Lễ hội Quán Thế Âm diễn ra tại khu di tích Ngũ hành Sơn nơi có các ngôi chùa cổ như Tam Thai, Linh Ứng, Phổ Đà và các hang động, nơi diễn ra các trận đánh nổi tiếng của quân

và dân Hoà Hải anh hùng trong hai cuộc kháng chiến, là dịp để khơi dậy truyền thống yêu quê hương, đất nước, tinh thần đấu tranh quật cường, giữ nước của dân tộc.

Lễ hội Quán Thế Âm gắn liền với truyền thuyết về sự hình thành Ngũ Hành Sơn, Phật tích Bồ Tát Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn, lịch sử Ông tổ nghề điêu khắc đá Non Nước, khơi dậy lòng từ bi bác ái, cứu nhân độ thế, gắn đạo pháp với dân tộc, dân tộc với đạo pháp, vì mục tiêu chung làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Đối với hoạt động du lịch, lễ hội Quán Thế Âm nằm trong chương trình hành động quốc gia về du lịch và các sự kiện du lịch. Lễ hội đã được Bộ Văn – Thông tin (nay là Bộ Văn hoá - Thể Thao và Du lịch) đưa vào danh mục 15 lễ hội lớn của cả nước là cơ hội để quảng bá về khu di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn một cách sâu rộng, góp phần thu hút khách du lịch đến với Ngũ hành Sơn nói riêng, thành phố Đà Nẵng nói chung ngày càng đông hơn.

Lễ hội đình làng Tuý Loan và đình làng Hoà Mỹ

<i>Đối tượng</i>	<i>: Tể Thành hoàng làng</i>
<i>Địa điểm</i>	<i>: Thôn Tuý Loan, xã Hoà Phong, huyện</i>
	<i>Hoà Vang, Đà Nẵng.</i>
<i>Thời gian</i>	<i>: Mùng 9 tháng Giêng âm lịch</i>
<i>Đặc điểm</i>	<i>: Cầu Quốc thái dân an.</i>

Đình làng là thiết chế văn hoá cộng đồng của làng xã thời phong kiến. Đình là nơi thờ Thành Hoàng bốn xứ và các vị tiên hiền, hậu hiền của làng. Người dân trong làng xã xem đình làng là trung tâm văn hoá – lịch sử làng xã ngày trước. Tại đình làng thường diễn ra những cuộc vui chơi, hò hát, những sinh hoạt của làng. Đình làng còn là nơi hội họp, bàn chuyện làm ăn, giúp đỡ, tương thân tương ái nhau trong cộng đồng làng xã. Do tín ngưỡng đa thần nên nhân dân đất Quảng như các làng quê khác trên khắp đất nước thường tổ chức các lễ cúng và hội làng hàng năm. Ở Đà Nẵng, sau nhiều năm chiến tranh gián đoạn, đình chỉ còn là nơi bỏ hoang, có nơi bị bom cày san lấp, chỉ đọng lại trong ký ức những người già. Trong những năm trở lại đây, đặc biệt là từ khi đổi mới, cuộc sống người dân ngày càng được nâng lên, nhu cầu thoả mãn phần tâm linh được quan tâm, do đó, lễ hội đình làng đã được khôi phục lại. Trong số lễ hội đình làng tiêu biểu có lễ hội đình làng Nghi Sơn tại Quế Sơn vào ngày mùng 8 tháng Giêng âm lịch, lễ hội đình làng tại Cù lao Chàm cùng với lễ tục cúng tổ nghề yến sào... nhân đây khảo tả lại hai lễ hội đình làng truyền thống là lễ hội đình làng Tuý Loan và lễ hội đình làng Hoà Mỹ.

Lễ hội đình làng Tuý Loan

Đình làng Tuý Loan hiện nay ở tại thôn Tuý Loan, xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 20 km về phía Tây Nam.



Lễ hội đình làng Yúy Loan (Internet)

Làng Túy Loan do các vị tiên hiền gồm 5 tộc: Đặng, Lâm, Nguyễn, Trần, Lê xây dựng nên vào khoảng nửa cuối thế kỷ XV. Sau khi thành lập làng thì đình làng Túy Loan cũng được xây dựng, buổi đầu đình được làm bằng tranh tre nứa lá. Đến năm 1787 đình được trùng tu lần đầu, đến mùa đông năm Mậu Tý (1888) tu sửa lần nữa và lập bia ghi công đức những người có công đóng góp tiền của xây dựng đình.

Đình Túy Loan, là di tích kiến trúc tín ngưỡng mang sắc thái địa phương, thể hiện nét văn hoá làng xã ngày trước. Đình lập ra để thờ thần Thành Hoàng bốn xứ, các vị tiên hiền, hậu hiền có công khai khẩn lập làng. Vật liệu xây dựng chủ yếu sau này là gạch, vôi và gỗ. Mái lợp ngói âm dương, tường dày 30 cm. Đình xây mặt ra sông Yên và theo hướng Bắc.

Trước sân là một bình phong theo kiểu cuốn thư, cao 3m, rộng 2m, mặt trước đắp nổi hình long mã, mặt sau đắp nổi hình con lân, tất cả đều được ghép bằng nghệ thuật ghép sành sứ. Bên trong đình chia làm ba gian hai chái, với 24 cây cột làm bằng gỗ mít, phía dưới chân cột kê đá chạm hình quả bí. Bên trong đình có bàn thờ tả ban, hữu ban và phần hậu tẩm. Trong hậu tẩm có một khán thờ bằng gỗ nơi để sắc phong và các vị thần được thờ trong đình. Hiện nay, nhân dân làng Tuý Loan còn cất giữ được 25 sắc phong.

Hằng năm, cứ vào dịp mùng 9 Tết Nguyên Đán, làng Tuý Loan tổ chức lễ hội đình làng. Lễ hội đình làng Tuý Loan thường diễn ra trong hai ngày. Phần lễ gồm Lễ rước Sắc phong, lễ cúng Thần Thành Hoàng làng và lễ dâng hương cúng các vị tiên linh giúp con cháu tưởng nhớ năm vị tiên hiền Đặng, Lâm, Nguyễn, Trần, Lê tuân chiếu vua Lê Thánh Tông đi mở mang bờ cõi về phương nam (năm Hồng Đức nguyên niên 1470), dừng chân chọn nơi đây để lập nghiệp khai khẩn làm ăn và đặt tên cho làng là Tuý Loan. Phần hội gồm nhiều trò chơi dân gian vui nhộn như đẩy gậy, vật tay, kéo co, bịt mắt bắt vịt diễn ra ngay trước sân đình... Nghề làm bánh tráng vốn từ lâu đã góp phần làm nổi tiếng làng Tuý Loan nên trong phần hội không thể thiếu cuộc thi nướng bánh tráng. Hai thôn Đông, Tây thường cử ra những cô gái khéo tay nhất của thôn mình để tham gia cuộc thi này. Người chiến thắng trong cuộc thi không những mang lại vẻ vang cho thôn mình mà còn góp phần tôn vinh một nghề truyền thống lâu đời của làng.

Con sông Tuý Loan thơ mộng chảy ven làng đặc biệt trở nên sôi động trong ngày hội với cuộc đua ghe truyền thống

của các trai làng. Trên bờ, dân làng và khách thập phương nhiệt tình và vô tư cổ vũ cho tất cả các đội ghe trong tiếng trống thúc giục lòng người. Chiến thắng của bất cứ đội ghe nào cũng sẽ mang lại một năm mới thịnh vượng cho làng. Ngày nay, lễ hội còn được bổ sung thêm nhiều trò vui như thi gói bánh tét, thi đi xe đạp chậm...càng làm cho không khí lễ hội thêm phần náo nhiệt.

Tham dự lễ hội đình làng Tuý Loan chính là một dịp để du khách gần xa hiểu thêm về một vùng đất, một phong tục và những con người chân chất đang gìn giữ truyền thống đáng quý của cha ông ngay trên mảnh đất quê hương mình.

Lễ hội đình làng Hoà Mỹ

<i>Đối tượng</i>	<i>: Tế Thành hoàng làng, các vị Tiên hiền</i>
	<i>hậu hiền làng.</i>
<i>Địa điểm</i>	<i>: Khu phố Hoà Mỹ, Phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng.</i>
<i>Thời gian</i>	<i>: Ngày 12 tháng Giêng âm lịch</i>
<i>Đặc điểm</i>	<i>: Cầu Quốc thái dân an.</i>

Đình làng Hoà Mỹ hiện tọa lạc tại khối phố Hoà Mỹ, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Theo nhân dân địa phương cho biết, làng Hoà Mỹ được thành lập từ lâu, nhưng tên gọi Hoà Mỹ được biết đến từ Minh Mạng

thứ 5 (1824), Đến thời Khải Định làng Hoà Mỹ thuộc Tổng Hoà An, huyện Hoà Vang, sau này thuộc xã Hoà Minh, huyện Hoà Vang, nay là khối phố Hoà Mỹ, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu.



Lễ hội đình làng Hòa Mỹ (Internet)

Đình làng Hoà Mỹ được nhân dân trong làng xây dựng cùng thời gian với việc lập làng. Đình thờ thần Thành Hoàng và các vị tiên hiền, hậu hiền, những người có công khai khẩn đất đai lập làng Hoà Mỹ trong những thế kỷ trước.

Về mặt kiến trúc, trước đây đình làng Hoà Mỹ cũng như bao đình làng khác ở Đà Nẵng mang đậm dấu ấn kiến trúc

Triều Nguyễn. Phần trang trí bên ngoài, trên đỉnh nóc là hình lưỡng long châu nguyệt, phần mái và diềm mái trang trí hình các con dơi, phụng, sư tử. Mái đình được lợp bằng ngói âm dương. Bên trong đình được chia làm ba gian hai chái, với 4 hàng cột bằng gỗ mít, trính xuyên, ruồi mè được làm bằng gỗ kiên kiên. Tường xây gạch, phía trước đình có hai trụ cổng và một bức bình phong. Trải qua thời gian, đình làng Hoà Mỹ đã bị xuống cấp, nhân dân trong làng đã góp tiền của trùng tu, tôn tạo lại đình làng nhiều lần, lần gần đây nhất là vào năm 2006. Hiện nay, nhân dân Hoà Mỹ còn giữ được 8 sắc phong, những sắc phong này được để tại đình làng, có niên đại từ thời Minh Mạng đến Bảo Đại, đây là nguồn tư liệu Hán Nôm quan trọng, có giá trị về nhiều mặt. Trong các lễ hội đình làng hằng năm, nhân dân đều có lễ rước sắc phong về đình.

Lễ hội đình làng Hoà Mỹ diễn ra vào ngày 12 tháng Giêng âm lịch hằng năm, nhằm nhắc nhở con cháu các tộc họ về công lao của các bậc tiên hiền, hậu hiền, các bậc tiên linh đã có công lập làng, theo đạo lý "uống nước nhớ nguồn, đồng thời, kiểm điểm những việc đã làm được trong một năm và định hướng những việc sẽ thực hiện trong năm đến. Trước đây, do hoàn cảnh chiến tranh, việc tổ chức lễ hội đã bị gián đoạn một thời gian dài, mãi đến năm 1994 lễ hội mới được khôi phục trở lại.

Lễ hội đình làng Hoà Mỹ diễn ra trong một ngày rưỡi. Phần lễ theo nghi thức cổ truyền gồm lễ rước sắc phong, lễ vọng và lễ hội kỵ chính thức. Phần hội có nhiều nội dung phong phú, mang phong cách truyền thống và hiện đại đan quyện vào nhau, tạo nên nét rất riêng cho lễ hội. Mở đầu phần

hội bao giờ cũng là giải chạy việt dã truyền thống, thu hút đông đảo nông dân, thanh - thiếu niên, nam nữ học sinh tham gia. Trong khi người trẻ tuổi thi cắm hoa, thi làm bánh thì người cao tuổi biểu diễn thể dục dưỡng sinh, vui chơi bài chòi.

Khán giả bao giờ cũng thật đông quanh các trò chơi dân gian như kéo co, đập om... bởi cái không khí rất hội hè của chúng. Các tổ dân phố, các gia tộc, các đoàn thể có dịp ngồi lại bên nhau trong buổi sinh hoạt giao lưu văn hoá, trao đổi những kinh nghiệm về nếp sống đẹp trong đời thường để cùng giúp nhau tiến bộ. Các trích đoạn hát tuồng đản xen vào các tiết mục ca múa nhạc kịch của chương trình văn nghệ lễ hội cũng là một cách kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại.

Lễ hội đình làng giữa một khu phố như Hoà Mỹ là một nét rất riêng trong đời sống văn hoá của người dân Đà Nẵng hiện nay.